

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỊA 10 CÁNH DIỀU

| Tên bài | Mục tiêu (Kiến thức và kỹ năng) | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | VD cao | |
|--|--|-----------|----|------------|----|----------|----|--------|----|
| | | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh | <ul style="list-style-type: none"> - HS khái quát được đặc điểm cơ bản của môn Địa lí. - Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống. - Xác định được những ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí. | 2 | | 2 | | | | | |
| Sử dụng bản đồ | <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ-biểu đồ. - Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống. | 2 | | 2 | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|--|---|--|---|--|---|--|---|
| | - Xác định và sử dụng được một số ứng dụng GPS và bản đồ số trong đời sống. | | | | | | | |
| Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng | - Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng; vận dụng để giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. | 2 | | 1 | | 1 | | |
| Hệ quả địa lí các chuyển động chính | - Phân tích (kết hợp sử dụng hình vẽ, lược đồ) được hệ quả địa lí các chuyển động chính | 2 | | 2 | | | | 1 |

| | | | | | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|--|--|--|--|
| <p>của Trái Đất</p> | <p>của Trái Đất: chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ). - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.</p> | | | | | | | | |
| <p>Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất</p> | <p>- Trình bày được khái niệm thạch quyển, phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. - Trình bày khái niệm, nguyên nhân của nội lực và tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt</p> | 2 | 1 | 1 | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|--|---|---|--|--|---|--|--|--|
| | <p>Trái Đất.</p> <p>- Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.</p> <p>- Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, các vành đai núi lửa trên Trái Đất.</p> | | | | | | | | |
| <p>Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất</p> | <p>- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân của ngoại lực và tác động của ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.</p> <p>- Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.</p> | 2 | 2 | | | 1 | | | |

| | | | | | | | | |
|-------------|-----------|----------|-----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Tổng | 12 | 0 | 10 | 0 | 2 | 1 | 0 | 1 |
|-------------|-----------|----------|-----------|----------|----------|----------|----------|----------|

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - ĐỀ SỐ 01

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Môn Địa lí ở trường phổ thông bắt nguồn từ

- A. khoa học địa lí. B. khoa học xã hội. C. khoa học trái đất. D. khoa học vũ trụ.

Câu 2. Địa lí học gồm có

- A. địa lí tự nhiên và bản đồ học. B. bản đồ học và kinh tế - xã hội.
C. kinh tế - xã hội và địa lí tự nhiên. D. kinh tế đô thị và địa chất học.

Câu 3. Phương pháp kí hiệu dùng để thể hiện các đối tượng

- A. phân bố theo những điểm cụ thể. B. di chuyển theo các hướng bất kì.
C. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc. D. tập trung thành vùng rộng lớn.

Câu 4. Để xác định phương hướng chính xác trên bản đồ, cần phải dựa vào

- A. chú giải và kí hiệu. B. các đường kinh, vĩ tuyến.
C. kí hiệu và vĩ tuyến. D. kinh tuyến và chú giải.

Câu 5. Hệ Mặt Trời gồm có Mặt trời ở trung tâm cùng với các

- A. hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch, bụi và các thiên hà.
B. hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch và các đám bụi khí.
C. hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch, khí và Dải Ngân Hà.
D. hành tinh, vệ tinh, vũ trụ, các thiên thạch và các đám bụi khí.

Câu 6. Thiên thể nào sau đây hiện nay **không** được công nhận là hành tinh của Hệ Mặt Trời?

- A. Thiên Vương tinh. B. Diêm Vương tinh. C. Thổ tinh. D. Kim tinh.

Câu 7. Giờ quốc tế **không** phải là giờ

- A. GMT. B. mặt trời. C. múi. D. khu vực.

Câu 8. Theo thuyết kiến tạo mảng, thạch quyển gồm có

- A. một số mảng kiến tạo. B. các loại đá nhất định.
C. đại dương, lục địa và núi. D. đất, nước và không khí.

Câu 9. Ở đại dương trong lớp vỏ Trái Đất **không** có tầng nào sau đây?

- A. Granit. B. Trầm tích. C. Badan. D. Macma.

Câu 10. Ngoại lực có nguồn gốc từ

- A. bên trong Trái Đất.
- B. bên ngoài Trái Đất.
- C. bức xạ của Mặt Trời.
- D. nhân của Trái Đất.

Câu 11. Phong hoá lí học là

- A. sự phá huỷ đá thành các khối vụn; làm biến đổi màu sắc, thành phần hoá học.
- B. việc giữ nguyên đá, nhưng làm biến đổi màu sắc, thành phần, tính chất hoá học.
- C. việc giữ nguyên đá và không làm biến đổi thành phần khoáng vật và hoá học.
- D. sự phá huỷ đá thành các khối vụn mà không làm biến đổi thành phần hoá học.

Câu 12. Môn Địa lí liên quan chặt chẽ với

- A. bản đồ, lược đồ, số học, bảng số liệu.
- B. bản đồ, Atlas địa lí, sơ đồ, bảng số liệu.
- C. bản đồ, lược đồ, sơ đồ, bảng thông tin.
- D. bản đồ, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu.

Câu 13. Môn Địa lí **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Là nhóm môn khoa học xã hội.
- B. Bao gồm ba mạch địa lí chính.
- C. Môn Địa lí có tính tích hợp.
- D. Chuyên nghiên cứu về trái đất.

Câu 14. Đối tượng nào sau đây được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu?

- A. Hướng gió.
- B. Hải cảng.
- C. Luồng di dân.
- D. Dòng biển.

Câu 15. Các trung tâm công nghiệp thường được biểu hiện bằng phương pháp

- A. chấm điểm.
- B. đường chuyển động.
- C. kí hiệu.
- D. bản đồ - biểu đồ.

Câu 16. Nhận định nào sau đây là đúng nhất về Vũ trụ?

- A. Là khoảng không gian vô tận chứa các thiên hà.
- B. Là khoảng không gian vô tận chứa các ngôi sao.
- C. Là khoảng không gian vô tận chứa các hành tinh.
- D. Là khoảng không gian vô tận chứa các vệ tinh.

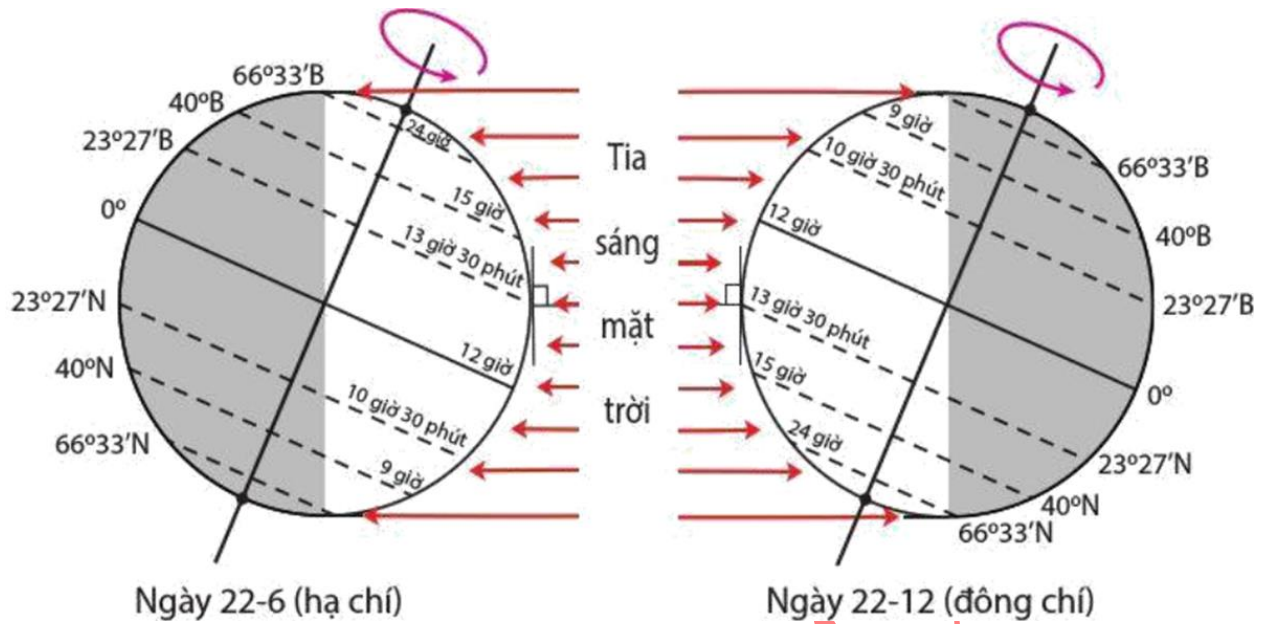
Câu 17. Khu vực nào sau đây trong năm có từ một ngày đến sáu tháng luôn là toàn ngày?

- A. Từ Xích đạo đến chí tuyến.
- B. Từ cực đến chí tuyến.
- C. Từ chí tuyến đến vòng cực.
- D. Từ vòng cực đến cực.

Câu 18. Ngày nào sau đây ở bán cầu Bắc có thời gian ban ngày dài nhất, thời gian ban đêm ngắn nhất trong năm?

- A. 21/3.
- B. 22/6.
- C. 22/12.
- D. 23/9.

Câu 19. Nguồn năng lượng sinh ra nội lực **không** phải là của



ĐỘ DÀI NGÀY ĐÊM Ở CÁC VĨ ĐỘ VÀO NGÀY 22-6 VÀ NGÀY 22-12

Câu 2 (1,5 điểm). Phong hóa là gì? Trình bày tác động của quá trình phong hóa đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.

BẢNG ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI**I. TRẮC NGHIỆM (mỗi câu 0,25 điểm)**

| | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1.A | 2.C | 3.A | 4.B | 5.B | 6.B | 7.B | 8.A |
| 9.A | 10.B | 11.D | 12.D | 13.D | 14.B | 15.C | 16.A |
| 17.D | 18.B | 19.D | 20.D | 21.B | 22.A | 23.C | 24.D |

II. TỰ LUẬN (4,0 điểm)

| CÂU | NỘI DUNG | ĐIỂM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------|---|--------------|--------------|---------------|--|------------|--|-------------|-------------|-------------|-------------|----|-----|--|-----|--|--------|--------|--------|--------|--------|-----|-----|----|----|-----|--------|---------------|--------------|
| 1 | - Bảng độ dài ngày đêm trong ngày 22-6 và ngày 22-12 tại các vĩ độ khác nhau | 1,0 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Vĩ độ</th> <th colspan="2">Ngày 22-6</th> <th colspan="2">Ngày 22-12</th> </tr> <tr> <th>Bán cầu Bắc</th> <th>Bán cầu Nam</th> <th>Bán cầu Bắc</th> <th>Bán cầu Nam</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>0°</td> <td colspan="2">12h</td> <td colspan="2">12h</td> </tr> <tr> <td>23°27'</td> <td>13h30p</td> <td>10h30p</td> <td>10h30p</td> <td>13h30p</td> </tr> <tr> <td>44°</td> <td>15h</td> <td>9h</td> <td>9h</td> <td>15h</td> </tr> <tr> <td>66°33'</td> <td>24h toàn ngày</td> <td>24h toàn đêm</td> <td>24h toàn đêm</td> <td>24h toàn ngày</td> </tr> </tbody> </table> | | Vĩ độ | Ngày 22-6 | | Ngày 22-12 | | Bán cầu Bắc | Bán cầu Nam | Bán cầu Bắc | Bán cầu Nam | 0° | 12h | | 12h | | 23°27' | 13h30p | 10h30p | 10h30p | 13h30p | 44° | 15h | 9h | 9h | 15h | 66°33' | 24h toàn ngày | 24h toàn đêm |
| Vĩ độ | Ngày 22-6 | | | Ngày 22-12 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Bán cầu Bắc | Bán cầu Nam | Bán cầu Bắc | Bán cầu Nam | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 0° | 12h | | 12h | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 23°27' | 13h30p | 10h30p | 10h30p | 13h30p | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 44° | 15h | 9h | 9h | 15h | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 66°33' | 24h toàn ngày | 24h toàn đêm | 24h toàn đêm | 24h toàn ngày | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <p>- Qua bảng, ta thấy</p> <p>+ Ngày 22-6: Ở bán cầu Bắc càng xa xích đạo ngày càng dài ra và đêm càng ngắn lại; Còn ở bán cầu Nam thì ngược lại ngày càng ngày càng ngắn và đêm càng dài.</p> <p>+ Ngày 22-12: Ở bán cầu Bắc càng xa xích đạo ngày càng ngắn, đêm càng dài ra; Còn ở bán cầu Nam thì ngày càng dài, đêm ngắn lại.</p> <p>- Nguyên nhân: Do trục Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương khi chuyển động quanh Mặt Trời nên càng xa xích đạo lượng nhiệt, ánh sáng nhận được ở các vĩ độ càng giảm -> Có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ. Độ dài ngày đêm chênh lệch nhau càng nhiều khi đi từ xích đạo về phía hai cực.</p> | 0,5 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | - Phong hóa là quá trình phá hủy và làm biến đổi các loại đá và khoáng vật do tác động của các nhân tố ngoại lực. | 0,25 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Các loại phong hóa chủ yếu là phong hóa lí học, phong hóa hóa học và phong hóa sinh học. | 0,25 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | |
|--|---|------|
| | <p>+ Phong hóa lí học là quá trình phá huỷ, làm các đá, khoáng vật bị vỡ với kích thước khác nhau nhưng không thay đổi thành phần và tính chất. Phong hóa lí học thường xảy ra mạnh ở những nơi nhiệt độ có sự dao động lớn theo ngày - đêm và ở những khu vực bề mặt có nước bị đóng băng. Sự dao động nhiệt cũng có thể làm khối đá bị tách vỡ do nước trong các khe nứt bị đóng băng vào ban đêm hoặc vào mùa đông.</p> | 0,5 |
| | <p>+ Phong hóa hóa học là quá trình phá huỷ, làm biến đổi thành phần, tính chất của đá và khoáng vật do tác động của nước, nhiệt độ, các chất hoà tan trong nước (khí ô-xy, khí carbonic, a-xit hữu cơ, a-xit vô cơ,...) và sinh vật. Phong hóa hóa học diễn ra mạnh trong điều kiện khí hậu nóng ẩm. Ở những nơi có đá dễ hoà tan (đá vôi, thạch cao,...), phong hóa hóa học thường tạo nên những dạng địa hình cac-xơ trên mặt và cac-xơ ngầm rất độc đáo.</p> | 0,25 |
| | <p>+ Phong hóa sinh học là quá trình phá huỷ đá và khoáng vật dưới tác động của sinh vật (thực vật, nấm, vi khuẩn,...) làm các đá bị biến đổi cả về mặt lí học và hóa học. Ví dụ: sự phát triển của rễ cây làm đá bị nứt vỡ, các chất hữu cơ từ hoạt động sống của sinh vật có thể làm các đá bị biến đổi về thành phần, tính chất,...</p> | 0,25 |

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - ĐỀ SỐ 02

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Ở cấp Trung học phổ thông môn Địa lí thuộc nhóm môn nào sau đây?

- A. Khoa học xã hội. B. Khoa học tự nhiên. C. Kinh tế vĩ mô. D. Xã hội học.

Câu 2. Môn Địa lí được học ở

- A. tất cả các cấp học phổ thông. B. tất cả các môn học ở tiểu học.
C. cấp trung học, chuyên nghiệp. D. cấp tiểu học, trung học cơ sở.

Câu 3. Dạng kí hiệu nào sau đây **không** thuộc phương pháp kí hiệu?

- A. Hình học. B. Chữ. C. Điểm. D. Tượng hình.

Câu 4. Bản đồ là phương tiện được sử dụng rộng rãi trong

- A. nông nghiệp, công nghiệp. B. quân sự, hàng không.
C. đời sống hàng ngày. D. giáo dục, du lịch.

A. quá khứ, hiện tại và kinh tế của địa phương. B. quá khứ, hiện tại và định hướng nghề nghiệp.

C. quá khứ, hiện tại và sự hình thành trái đất. D. quá khứ, hiện tại và tương lai của toàn cầu.

Câu 15. Ở vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo **không** bao giờ là

A. có xảy ra các loại hoạt động kiến tạo. B. những vùng ổn định của vỏ Trái Đất.

C. có nhiều hoạt động núi lửa, động đất. D. có những sông núi ngầm ở đại dương.

Câu 16. Các đô thị thường được biểu hiện bằng phương pháp

A. bản đồ - biểu đồ. B. đường chuyển động. C. kí hiệu. D. chấm điểm.

Câu 17. Hướng gió thường được biểu hiện bằng phương pháp

A. đường chuyển động. B. kí hiệu. C. bản đồ - biểu đồ. D. chấm điểm.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lớp Manti trên?

A. Hợp với vỏ Trái Đất thành lớp vỏ cứng. B. Không lỏng mà ở trạng thái quán tính dẻo.

C. Cùng với vỏ Trái Đất thành thạch quyển. D. Có vị trí ở độ sâu từ 700 đến 2900 km.

Câu 19. Khu vực nào sau đây trong năm có từ một ngày đến sáu tháng luôn là toàn đêm?

A. Từ Xích đạo đến chí tuyến. B. Từ chí tuyến đến vòng cực.

C. Từ vòng cực đến cực. D. Từ cực đến chí tuyến.

Câu 20. Những ngày nào sau đây ở mọi nơi trên Trái Đất có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

A. 21/3 và 23/9. B. 23/9 và 22/6. C. 21/3 và 22/12. D. 22/6 và 21/3.

Câu 21. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vận động nội lực theo phương thẳng đứng?

A. Xảy ra chậm và trên một diện tích lớn. B. Hiện nay vẫn tiếp tục xảy ra một số nơi.

C. Làm cho lục địa nâng lên hay hạ xuống. D. Gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

Câu 22. Dạng địa hình nào sau đây được xem là kết quả của quá trình phong hoá hoá học là chủ yếu?

A. Bậc thềm sóng vỗ. B. Bán hoang mạc. C. Hang động đá vôi. D. Địa hình phi-

o.

Câu 23. Biểu hiện nào sau đây đúng với phong hoá vật lí?

A. Các đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột. B. Hoà tan đá vôi do nước để tạo ra hang động.

C. Rễ cây làm cho các lớp đá rạn nứt, đổi màu. D. Xói mòn đất do dòng chảy nước tạm thời.

Câu 24. Nơi nào sau đây trong năm có sáu tháng luôn là toàn ngày?

- A. Xích đạo. B. Chí tuyến. C. Cực. D. Vòng cực.

II. TỰ LUẬN

Câu 1 (2,0 điểm). Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

- Phân biệt giờ địa phương và giờ khu vực.
- Phân biệt giờ địa phương và giờ khu vực

Câu 2 (2,0 điểm). Tại sao quá trình bóc mòn và bồi tụ do dòng nước ở nước ta phát triển mạnh? Các quá trình này tác động đến địa hình nước ta như thế nào?

BẢNG ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI**I. TRẮC NGHIỆM (mỗi câu 0,25 điểm)**

| | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1.A | 2.A | 3.C | 4.C | 5.D | 6.A | 7.D | 8.B |
| 9.C | 10.C | 11.B | 12.A | 13.A | 14.D | 15.B | 16.C |
| 17.A | 18.D | 19.C | 20.A | 21.D | 22.C | 23.A | 24.C |

II. TỰ LUẬN (4,0 điểm)

| CÂU | NỘI DUNG | ĐIỂM |
|----------|---|------------|
| 1 | - Giờ địa phương + Ở cùng một thời điểm, mỗi địa phương có một giờ riêng. + Giờ địa phương được thống nhất ở tất cả các địa điểm nằm trên cùng một kinh tuyến. Nó được xác định căn cứ vào vị trí của Mặt Trời trên bầu trời nên còn gọi là giờ Mặt Trời. | 1,0 |
| | - Giờ khu vực + Để tiện cho việc tính giờ và giao lưu quốc tế, người ta quy định giờ thống nhất cho từng khu vực trên Trái Đất (quy ước 24 khu vực theo kinh tuyến gọi là 24 múi giờ, giờ chính thức là giờ địa phương của kinh tuyến đi qua chính giữa khu vực). + Các múi giờ đánh số từ 0 đến 24. Khu vực đánh số 0 gọi là khu vực giờ gốc (có đường kinh tuyến gốc đi qua đài thiên văn Greenwich ở Anh). | 1,0 |
| 2 | - Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nền nhiệt cao quanh năm và mưa lớn với mạng lưới sông ngòi dày đặc. + Nền nhiệt, ẩm cao làm đất đá dễ bị phong hóa, bóc mòn do nước hoặc gió. + Mạng lưới sông ngòi dày đặc -> Vận chuyển mạnh mẽ các vật liệu bóc mòn đến các khu vực thấp bồi tụ nên các dạng địa hình mới. | 1,0 |
| | - Bóc mòn và bồi tụ đã góp phần tạo nên những dạng địa hình mới và sự đa dạng của địa hình ở Việt Nam. Đó là đồi núi cao, cao nguyên, đồng bằng hạ lưu sông, vịnh, cồn cát, bãi cát, đầm phá,... | 1,0 |